

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68/2018/HSPT**

Ngày 27 - 3- 2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Võ Minh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2018/HSPT ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2017/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: Bị cáo Trần Văn L, sinh năm: 1976. HKTT: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không. Con ông Trần Thế T, sinh năm: 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1943 (đã chết) vợ Huỳnh Thị B, sinh năm: 1986 và 02 con; lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/3/2017, Trần Ngọc T cùng con là Trần Sol Đ đi đặt lú dây ở vùng biển thuộc ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Đến sáng ngày 23/3/2017, ông T và anh Đ đi dỡ lú thì phát hiện bị mất 01 cò lú dây 52 cái nên đi tìm thì phát hiện số lú bị mất ở trong vỏ máy của Trần Văn L. Sau đó, Trần Văn L trả lại cho ông T và anh Đ 01 cò lú dây 52 cái, có đặc điểm loại lú dây, ông T gọi điện thoại cho những người đặt lú dây bị mất để đến nhận dạng thì có anh Nguyễn Việt B nhận dạng được 32 cái, có đặc điểm loại lú dây 20 vành, mắt lưới lú 2,5 cm, vành màu xanh đọt chuối và màu xanh đậm, có buộc chỉ càu màu xanh giống như lưới ở vành lú của hôm lú thứ 2, anh Trần Hoàng A nhận dạng được 08 cái, có đặc điểm loại lú 20 vành, mắt lưới lú 2,5 cm, vành màu xanh đậm, dùng dây buộc giữa gốc nổi của các vành đầu lú và vành giữa lú, còn lại 20 cái chưa ai nhận dạng nên Cơ quan điều tra Công an huyện A đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu.

Tổng số lú dây mà bị cáo trộm cắp là 112 cái, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A tiến hành định giá, kết quả:

** Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 21/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 60 cái lú dây có giá trị 6.480.000 đồng.*

** Tại kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 27/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 52 cái lú dây có giá trị là 5.616.000 đồng. Tổng cộng trị giá 112 cái lú dây mà Trần Văn L trộm cắp tài sản có giá 12.096.000 đồng.*

** Vật chứng:* Bị cáo đã giao trả cho ông T và anh Đ 52 cái lú dây; Cơ quan điều tra đã thu hồi và giao trả cho anh B 32 cái lú dây, anh A 08 cái lú dây, còn lại 20 cái lú dây do Chi cục thi hành án huyện A đang bảo quản.

Đối với 01 vỏ Composite hiệu Đức T dài 8,5m, màu xanh mà bị cáo dùng vào việc phạm tội; 01 cái máy nhãn hiệu Honda 6,5 HP không có mặt nạ, giàn cầu Inox do bà Nguyễn Thị C cho bị cáo mượn sử dụng và không biết bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên được giao trả lại cho chủ sở hữu.

-
-
* *Về trách nhiệm dân sự*: Ông T và anh Đ, anh B không yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản, riêng anh A yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng và bị cáo đã bồi thường xong.

* *Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định*:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 - Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2018, bị cáo Trần Văn L kháng cáo với nội dung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính phải nuôi vợ bị bệnh và hai con còn nhỏ đang đi học nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Bị cáo Trần Văn L đã thừa nhận lấy trộm của nhiều người với giá trị tài sản trộm cắp là 12.096.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo lấy trộm nhiều lần với tổng số lú là 112 cái nên bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng cho bị cáo là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nuôi vợ bị bệnh và hai con còn nhỏ đang đi học, nhưng bị cáo không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên lý do kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị

HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau đây:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn L trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Ngày 22/3/2017, ông Trần Ngọc T và con là Trần Sol Đ đi đặt lú tại vùng biển ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Đến sáng ngày 23/3/2017, ông T, anh Đ bị mất 52 cái lú dây nên đi tìm và phát hiện số lú bị mất nằm trong vỏ máy của bị cáo. Bị cáo đã thừa nhận lấy trộm số lú này của ông T, anh Đ. Ngoài ra, bị cáo còn lấy trộm của ông Nguyễn Vượt B 32 cái lú, ông Trần Hoàng A 08 cái lú và 20 cái lú khác nhưng không xác định được chủ sở hữu, tổng cộng bị cáo đã trộm 112 cái lú. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Trần Văn L đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để lén lút lấy trộm tài sản của bị hại với tổng số tiền là 12.096.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe để lao động chân chính nhưng bị cáo lại muốn nhanh chóng được lợi mà xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của người khác, gây nên tâm lý hoang mang, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo; đồng thời để phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo có hai lần lấy trộm tài sản (lần 1: ngày 22/3/2017 và lần 2: ngày 23/3/2017), mỗi lần lấy trộm đủ cấu thành định lượng của tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này

-
là có thiếu sót. Bị cáo lấy trộm tài sản của bị hại nhưng khi bị phát hiện đã trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và tự thú với lần lấy trộm trước đó. Đồng thời, các bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Mặt khác, gia đình bị cáo thật sự khó khăn, bị cáo là lao động chính, phải nuôi vợ bị bệnh và hai con đang độ tuổi đi học. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 - BLHS năm 2015. Do đó, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2013 ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm số: 29/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn L.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm r, b, h, s khoản 1, khoản 2 - Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên phạt bị cáo Trần Văn L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách một năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

[2] Bị cáo Trần Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

-
-

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

*** Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh K;
- Trạm tạm giam K;
- TAND A;
- THA A;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp